

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II

Bài 6 : HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Trước chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), các nước Việt Nam, Lào, Campuchia đều là thuộc địa của

- A. Pháp. B. Mỹ. C. Anh. D. Hà Lan.

Câu 2. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nhân dân In-đô-nê-xi-a đấu tranh chống lại nước thực dân nào sau đây?

- A. Hà Lan. B. Tây Ban Nha. C. Anh. D. Pháp.

Câu 3. Từ những năm 60 của thế kỉ XX, các quốc gia Đông Nam Á đã hợp tác và thành lập tổ chức nào sau đây?

- A. APEC B. ASEAN C. ASEM D. OPEC

Câu 4. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tận dụng thời cơ Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (tháng 8-1945) để tiến hành giành độc lập?

- A. Mi-an-ma, Lào, Thái Lan. B. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Lào.

- C. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia. D. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

Câu 5. Quốc gia nào ở Đông Nam Á được coi là một trong 4 “con rồng” của kinh tế châu Á?

- A. Việt Nam. B. Thái Lan. C. Xin-ga-po. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 6. Trong thời gian thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân thực hiện chính sách “chia để trị” ở Đông Nam Á, nhằm mục đích gì?

- A. Khai sáng nền văn minh cho khu vực Đông Nam Á.

- B. Vơ vét nguồn tài nguyên thiên nhiên của khu vực.

- C. Xóa bỏ nền văn minh bản địa của Đông Nam Á.

- D. Chia rẽ, làm suy yếu sức mạnh dân tộc ở Đông Nam Á.

Chủ đề 4

CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

Câu 1. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.

- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.

- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 2. Trong cuộc kháng chiến chống quân Xiêm (1785), nghĩa quân Tây Sơn đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.

- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.

- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 3. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về nước để làm gì?

- A. chuẩn bị lực lượng tiến công tiếp.

- B. kêu gọi Chăm-pa cùng đánh Tống.

- C. chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc.

- D. kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

Câu 4. Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên ở thế kỉ XIII gắn liền với sự lãnh đạo của vương triều nào?

- A. Nhà Tiền Lê.

- B. Nhà Lý.

- C. Nhà Trần.

- D. Nhà Hồ.

Câu 5. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

- A. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

- B. Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.

- C. Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.

- D. Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Câu 6. Sự kiện nào sau đây đã kết thúc hoàn toàn hơn 1000 đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam?

- A. Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường, giành quyền tự chủ.
- B. Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương thắng lợi, lập ra nhà nước Vạn Xuân.
- C. Trận chiến trên sông Bạch Đằng (938) do Ngô Quyền lãnh đạo thắng lợi.
- D. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi hoàn toàn.

Câu 7. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) mang tính chất nào sau đây?

- A. Tính nhân dân rộng rãi.
- B. Cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt.
- C. Chiến tranh thống nhất đất nước.
- D. Khởi nghĩa tự phát của nông dân.

Câu 8: Cuộc khởi nghĩa nào sau đây **không** nằm trong phong trào đấu tranh chống sự đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- B. Khởi nghĩa Lam Sơn.
- C. Phong trào Tây Sơn.
- D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 9: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nhân dân Âu Lạc chống lại ách đô hộ của phong kiến phương Bắc là

- A. khởi nghĩa Bà Triệu.
- B. khởi nghĩa Lý Bí.
- C. khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- D. khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 10: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) nổ ra trong bối cảnh nào?

- A. Nhà Hồ tiến hành cải cách đất nước thất bại.
- B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.
- C. Nhà Minh thi hành chính sách cai trị hà khắc.
- D. Nhà Minh đang lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

Câu 11: Cuộc kháng chiến nào của nhân dân ta chống lại kẻ thù xâm lược đến từ phương Tây?

- A. kháng chiến chống Nguyên - Mông của nhà Trần.
- B. kháng chiến chống Pháp của triều Nguyễn.
- C. kháng chiến chống Thanh của triều Tây Sơn.
- D. kháng chiến chống Tống của triều Lý.

Câu 12: Từ thế kỉ X đến thế XV, quân dân Đại Việt phải chống lại các cuộc xâm lược của quân đội nào?

- A. Tống, Mông – Nguyên, Thanh.
- B. Tống, Mông – Nguyên, Minh.
- C. Tống, Nguyên, Thanh, Pháp.
- D. Tống, Minh, Thanh, Mỹ.

Câu 13. Sau khi giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ nhà Lương (544), Lý Nam Đế đã đặt tên nước ta là

- A. Vạn Xuân.
- B. Đại Nam.
- C. Đại Việt.
- D. Đại Cồ Việt.

Câu 14. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt.
- B. Củng cố vị thế cường quốc kinh tế của Việt Nam.
- C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự.
- D. Góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Chủ đề 5

MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

Phần A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1: Bộ luật nào sau đây được biên soạn dưới thời Lê sơ?

- A. Hình thư
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Hình luật.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 2: Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao ở triều đại nào?

- A. Nhà Lý.
- B. Nhà Trần.
- C. Nhà Lê sơ.
- D. Nhà Tiền Lê.

Câu 3: Nhà Hồ đã ban hành chính sách ruộng đất nào sau đây?

- A. Hạn điền.
- B. Quân điền.
- C. Tịch điền.
- D. Lộc điền.

Câu 4. Nội dung nào sau đây trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly diễn ra trên lĩnh vực kinh tế?

A. In và phát hành tiền giấy.

C. Ban hành hình luật mới.

B. Đặt thêm các đơn vị hành chính.

D. Thái hồi những binh sĩ già yếu.

Câu 5. Trong lĩnh vực văn hóa, Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng loại chữ viết nào?

A. Chữ Hán.

B. Chữ Phạn.

C. Chữ Quốc ngữ.

D. Chữ Nôm.

Câu 6. Nhà Hồ thực hiện chính sách hạn điền nhằm mục đích nào sau đây?

A. Chia ruộng đất công cho nông dân nghèo.

B. Hạn chế sở hữu lớn ruộng đất của tầng lớp quý tộc.

C. Bảo vệ sức kéo cho sản xuất nông nghiệp.

D. Xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.

Câu 7. Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mang tên là

A. “Thông bảo hội sao”.

B. “Thái bình thông bảo”.

C. “Thiên phúc trấn bảo”.

D. “Thái Đức thông bảo”.

Câu 8. Trong lịch sử nước ta nối tiếp sự nghiệp của nhà Hồ (1400 – 1407) là triều đại phong kiến nào?

A. Nhà Mạc.

B. Tiền Lê.

C. Lê Sơ.

D. Lê Trung Hưng.

Câu 9. Thời Lê sơ đã thực hiện chính sách kinh tế nông nghiệp nào sau đây?

A. Quân điền.

B. Thổ điền.

C. Điền địa.

D. Hạn điền.

Câu 10. Năm 1471, Đạo Thừa tuyên được lập thêm có tên gọi là gì?

A. Hà Nội.

B. Sơn Tây.

C. Quảng Nam.

D. Tây Đô.

Câu 11. Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

A. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

B. bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.

C. bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh.

D. bảo vệ phụ nữ, người già, trẻ em, người tàn tật.

Câu 12. Một trong những di sản lớn nhất trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

A. cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương.

B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.

C. chú trọng phát triển kinh tế theo hướng hiện đại.

D. ưu tiên bổ nhiệm quan lại là người ở địa phương.

Câu 13. Năm 1466, ở địa phương, vua Lê Thánh Tông chia đất nước thành

A. 10 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

B. 11 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

C. 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

D. 13 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

Câu 14. Vào nửa đầu thế kỉ XIX, vị vua nào của triều Nguyễn đã thực hiện công cuộc cải cách?

A. Gia Long.

B. Minh Mạng.

C. Thiệu Trị.

D. Tự Đức.

Câu 15. Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các để thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

A. Chuyển và tiếp nhận công văn.

B. Phụ trách thuế khóa, hộ tịch.

C. Cố vấn các vấn đề quân sự.

D. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.

Câu 16. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

A. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.

B. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.

C. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.

D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 17. Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. hành chính.

D. quân sự.

Câu 18. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX có ý nghĩa

A. thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

B. thống nhất đất nước về mặt hành chính.

C. xác lập quan hệ ngoại giao với các nước phương Tây.

D. phân chia các tỉnh trên cả nước như hiện nay.

Câu 19. Ở địa phương, điểm đặc biệt trong cải cách của vua Minh Mạng là

A. cải tổ hệ thống Văn thư phòng.

B. thành lập Nội các và Cơ mật viện.

C. chia đất nước thành các tỉnh.

D. văn bản hành chính được quy định chặt chẽ.

Câu 20. Trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thành lập Cơ mật viện với chức năng, nhiệm vụ nào?

A. Tiếp nhận và xử lý công văn đi, công văn đến, giữ Ấn tín.

B. Tư vấn tối cao cho nhà vua về những vấn đề quân sự quan trọng.

C. Nắm quyền chỉ đạo các quan văn, thay thế vua xử lí một số công việc.

D. Giám sát thi hành luật pháp và quy định triều đình.

Câu 21. Sau khi lên ngôi và lập ra nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã tiếp tục

A. tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm. B. tổ chức kháng chiến chống quân Thanh

C. mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

D. tiến hành cuộc cải cách sâu rộng.

Câu 22. Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều đại nhà Hồ **không** bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

A. Văn hoá - giáo dục. B. Chính trị - quân sự. C. Kinh tế - xã hội. D. Thể thao - du lịch.

Câu 23. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Nước Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

B. Nhà Trần đang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt.

C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.

D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao.

Câu 24: Trong lĩnh vực văn hóa, Lê Thánh Tông đặc biệt đề cao hệ tư tưởng

A. Phật giáo

B. Đạo giáo

C. Nho giáo

D. Thiên chúa giáo

Câu 25: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích cải cách của vua Lê Thánh Tông?

A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước

B. Giải quyết tình trạng khủng hoảng trầm trọng của đất nước bấy giờ

C. Biến nước ta trở thành cường quốc lớn mạnh hàng đầu trong khu vực.

D. Tăng cường tiềm lực đất nước chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm

Câu 26: Để tập trung quyền lực vào nhà vua, Lê Thánh Tông đã

A. Xoá bỏ hầu hết các quan đại thần.

B. Chú trọng đổi mới giáo dục khoa cử

C. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô

D. Coi trọng bảo vệ quyền lợi phụ nữ, trẻ em.

Câu 27: Nội dung nào sau đây **không** phải là hoạt động cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX?

A. Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ

B. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô

C. Tăng cường giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan

D. Phân chia lại đơn vị hành chính ở cấp địa phương

Phần B. Trắc nghiệm Đúng – Sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự.

b. Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử.

c. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều.

d. Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước đã từng bước ổn định. Tuy nhiên, bộ máy hành chính nhà nước bắt đầu bộc lộ một số hạn chế. Ở cấp trung ương, sự tập trung quyền lực chủ yếu trong tay các quan đại thần - những võ quan, công thần trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã ảnh hưởng đến tính tập quyền của nhà nước. Sau khi vua Lê Thái Tổ qua đời, các vị vua kế vị thường ít tuổi. Tình trạng quan lại lộng quyền, tham nhũng,... ngày càng trở nên phổ biến.

Ở địa phương, đất nước rộng lớn nhưng chỉ được chia thành 5 đạo (Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải Tây) khiến cho quyền lực của những người đứng đầu mỗi đạo rất lớn, là mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.

Vì vậy, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã từng bước tiến hành cải cách nhằm tăng cường quyền lực của hoàng đế và bộ máy nhà nước.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 64 – 65)

a. Cuộc cải cách được tiến hành trong bối cảnh bộ máy nhà nước đã hoàn thiện và ổn định.

b. Cuộc cải cách nhằm tăng cường quyền lực của hoàng đế, hạn chế quyền lực địa phương.

c. Cuộc cải cách trên lĩnh vực hành chính nhằm tăng cường xu hướng phân tán quyền lực.

d. Sau cải cách, bộ máy nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền được xác lập hoàn chỉnh.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau :

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau năm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vượt nanh, tìm óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc,... Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương,... tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau”.

(Trích SGK Lịch sử 11 (Cánh diều) trang 71)

A. Lời dụ trên thể hiện cải cách của Vua Lê Thánh Tông ở lĩnh vực chính trị, cụ thể là tổ chức bộ máy chính quyền.

B. Các cơ quan trung ương được nhắc đến trong lời dụ gồm: sáu bộ, sáu khoa, sáu tự, mười thừa ty.

C. Tổng binh là một trong những chức vụ quan lại được nhắc đến trong lời dụ của Lê Thánh Tông.

D. Theo lời dụ của Lê Thánh Tông tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Tiền giấy chẳng qua chỉ là mảnh giấy vuông, phí tốn chỉ đáng năm ba đồng tiền, mà đem đổi lấy vật đáng 5 - 6 trăm đồng của người ta, cố nhiên không phải là cái đạo đúng mức. Và lại, người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra không cùng, thực không phải là cách bình ổn vật giá mà lưu thông của cải của dân vậy. Quý Ly không xem xét kỹ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế, để cho tiền của hàng hoá thường vẫn lưu thông tức là sinh ra ứ đọng, khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải là chế độ bình trị đâu”.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.112)

a. Tiền giấy “Thông bảo hội” mà Hồ Quý Ly ban hành dễ bị làm giả và khó cất giữ.

b. Việc sử dụng tiền giấy thay tiền đồng không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hàng hóa lúc bấy giờ.

c. Đoạn trích phê phán việc thay tiền đồng bằng tiền giấy của Hồ Quý Ly.

d. Một trong những nhược điểm của việc sử dụng tiền giấy lúc bấy giờ là dễ bị làm giả.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây thành Tây Đô (còn gọi là thành Nhà Hồ, thuộc Thanh Hóa ngày nay) rồi ép vua Trần dời đô về đây. Phía ngoài thành là hệ thống hào quy mô lớn kết hợp lũy tre gai dày đặc. Năm 1402, nhà Hồ đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu (Thừa Thiên Huế và

phía Bắc Quảng Nam ngày nay). Năm 1405, nhà Hồ cho quân đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển và những nơi xung yếu trên sông để phòng giặc, xây dựng hệ thống phòng thủ dài hàng trăm ki – lô – mét
(*Sách Giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.64*)

- a. Đoạn trích đề cập đến một số hoạt động của nhà Hồ nhằm chấn chỉnh quốc phòng.
- b. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá của Hồ Quý Ly nhằm mục đích duy nhất là bảo vệ quyền lợi vương triều Hồ.
- c. Đoạn trích chủ yếu nhằm phê phán sự lộng quyền của Hồ Quý Ly về mặt quân đội, quốc phòng.
- d. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá, đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển của Hồ Quý Ly xuất phát từ thực trạng đất nước đứng trước nguy cơ ngoại xâm.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau :

“Hiệu quả cải cách hành chính của Vua Minh Mạng là đã tăng cường được tính thống nhất quốc gia, củng cố được vương triều Nguyễn, phần nào được ổn định xã hội sau hàng thế kỷ chiến tranh, vừa chống ngoại xâm, vừa nội chiến liên miên. Nhưng bị hạn chế và không tạo được sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và mối quan hệ quốc tế tốt đẹp, có khả năng kiềm chế được ngoại xâm”.

(*Văn Tào, Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006, trang 251*).

A. Đoạn tư liệu phản ánh tác động tích cực và hạn chế trong cải cách của Vua Minh Mạng trên lĩnh vực hành chính.

B. Một trong những hiệu quả tích cực trong cải cách của Vua Minh Mạng là tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với bên ngoài, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

C. Cải cách của Vua Minh Mạng đã thống nhất các đơn vị hành chính địa phương trong cả nước, thông qua đó mở rộng bang giao với tất cả các nước.

D. Cải cách của Vua Minh Mạng đã góp phần ổn định tình hình đất nước nhưng không tạo được động lực thúc đẩy phát triển mạnh mẽ của kinh tế, chính trị đất nước.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Dưới thời Minh Mạng, phép Hồi ty (nghĩa gốc là tránh đi hoặc né tránh) được thực hiện chặt chẽ. Trong đó có quy định người làm quan không được nhậm chức ở quê quán, trú quán, quê mẹ, quê vợ; đối với nhân viên hành chính (lại mục, thông lại), ai quê ở phủ, huyện nào cũng không được làm việc tại cơ quan công quyền của phủ, huyện đó.”

(*SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 74*)

a. Minh Mạng là vị vua đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đề ra phép Hồi ty cho quan lại.

b. Phép Hồi ty ngăn chặn quan lại cấu kết với nhau nhằm thao túng chi phối địa phương.

c. Một số nội dung của phép Hồi ty đã và đang được nhà nước Việt Nam thực hiện.

d. Nội dung cải cách này góp phần hoàn chỉnh bộ máy chuyên chế trung ương tập quyền.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong những năm 1831 – 1832, Minh Mạng lần lượt xoá bỏ Bắc Thành và Gia Định Thành cùng chức Tổng trấn, đồng thời đổi các dinh – trấn trên cả nước thành 30 tỉnh, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của triều đình trung ương. Sự ra đời của đơn vị hành chính cấp tỉnh gắn liền với hệ thống cơ quan, chức quan phụ trách cùng cơ chế làm việc mới.”

(*SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 74*)

a. Xóa bỏ Bắc Thành, Gia Định thành nhằm tăng cường quyền lực cho nhà vua.

b. Đơn vị hành chính cấp tỉnh có từ thời Lê Sơ, đến thời Nguyễn được củng cố.

c. Cải cách Minh Mạng có ảnh hưởng đến cơ cấu hành chính Việt Nam hiện nay.

d. Sau cuộc cải cách hành chính, chế độ phong kiến Việt Nam đạt đến đỉnh cao.

BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Phần A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1. Các cảng biển lớn trên Biển Đông có vai trò như thế nào?

A. Điểm trung chuyển của tàu thuyền.

B. Nơi giao lưu kinh tế, văn hóa.

C. Điểm tập trung phát triển du lịch.

D. Nơi giải quyết các vấn đề xã hội.

Câu 2. Hiện nay Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào ở Việt Nam?

A. Đà Nẵng.

B. Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Khánh Hoà

D. Kiên Giang.

Câu 3. Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam ngoài có vị trí chiến lược về kinh tế, còn có vị trí chiến lược về

A. văn hóa - xã hội.

B. giao thông vận tải.

C. quốc phòng - an ninh.

D. khoa học - kỹ thuật.

Câu 4. Biển Đông có vị trí quan trọng trong lĩnh vực nào của ngành hàng hải quốc tế?

A. Giao thông.

B. Kinh tế.

C. Chính trị.

D. Văn hóa.

Câu 5. Biển Đông là “cầu nối” giữa Thái Bình Dương và đại dương nào sau đây?

A. Bắc Băng Dương.

B. Ấn Độ Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Địa Trung Hải.

Câu 6. Ở Biển Đông, nguồn tài nguyên thiên nhiên nào sau đây có trữ lượng lớn nhất thế giới?

A. Muối biển.

B. Đất hiếm.

C. Dầu khí.

D. Quặng sắt.

Câu 7. Khu vực Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km² thuộc vùng biển

A. Thái Bình Dương.

B. Ấn Độ Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Bắc Băng Dương.

Câu 8. Eo biển nào sau đây ở Đông Nam Á là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất ở châu Á?

A. Eo Ma-lắc-ca.

B. Eo Đài Loan.

C. Eo Miêng Rông

D. Eo Kalimanta.

Câu 9. Đối với Việt Nam, hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có vai trò quan trọng nào sau đây

A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.

B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần-kỹ thuật phục vụ hoạt động quân sự.

C. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.

D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 10. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

A. Lượng mưa thay đổi theo vĩ độ và mùa.

B. Nối Đại Tây Dương đến Ấn Độ Dương.

C. Là vùng biển chính cho tàu thuyền neo đậu.

D. Là tuyến đường giao thông biển huyết mạch.

Phần B. Trắc nghiệm Đúng – Sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - Đông Á. 5 trong số 10 tuyến đường vận tải biển trọng yếu của thế giới liên quan đến Biển Đông. Giao thông đường biển trong khu vực này nhộn nhịp vào hàng thứ hai thế giới, với nhiều tàu có trọng tải trên 5000 tấn, trong số đó phần lớn là tàu chở dầu. Khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng như; eo Đài Loan, Ba-si, Ga-xpa, Ka-li-man-tan và đặc biệt là Ma-lắc-ca.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 75)

A. Biển Đông là một bộ phận của Thái Bình Dương và nằm ở rìa Tây của đại dương này.

B. Biển Đông là con đường hàng hải huyết mạch của thế giới vì có vị trí địa lý thuận lợi.

C. Tất cả các nước ở châu Á đều có lợi ích liên quan trực tiếp đến khu vực biển Đông.

D. Vì có vị trí chiến lược, biển Đông từ sớm đã trở thành nơi tranh chấp của các nước.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Về quân sự: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược, có thể dùng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại Biển Đông, cũng như có vị thế phòng thủ chắc chắn thông qua sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, tuyến đảo ở hai quần đảo.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 81)

a. Tư liệu nói về vị trí chiến lược của Hoàng Sa và Trường Sa về quân sự.

b. Việt Nam đã sử dụng hai quần đảo để kiểm soát và khống chế biển Đông.

c. Hoàng Sa và Trường Sa là tuyến phòng thủ từ sớm từ xa của Việt Nam.

d. Từ sau năm 1975, Việt Nam hoàn toàn kiểm soát và làm chủ hai quần đảo.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là nơi cư trú của 12 nghìn loài sinh vật, trong đó có khoảng 2040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú... Trong khu vực này, tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Khu vực thềm lục địa của biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Bru – nây, Nam Côn sơn, Hoàng Sa,...

(Nguyễn Văn Âu, *Địa lí tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.33, 71 – 72)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú ở Biển Đông.

b. Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông rất phong phú đa dạng, nhưng chỉ có động vật mà không có thực vật.

c. Dầu khí là một trong những nguồn tài nguyên khoáng sản đặc biệt quan trọng ở Biển Đông.

d. Nguồn dầu khí ở Biển Đông chỉ có thể được khai thác ở 3 địa điểm: bồn trũng Bru – nây, Nam Côn sơn, Hoàng Sa.

Phần 2. TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ?

Câu 2: Từ sự thất bại của cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối TK XIV – đầu TK XV)

a. Em hãy chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến kết quả đó?

b. Rút bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

Câu 3: Bằng những kiến thức về cuộc cải cách của Lê Thánh Tông, em hãy:

a. Trình bày nội dung cuộc cải cách về luật pháp, kinh tế, văn hoá – giáo dục của vua Lê Thánh Tông.

b. Phân tích kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách.

Câu 4: Hãy nêu vai trò quan trọng chiến lược của Biển Đông trong giao thông hàng hải quốc tế.

Câu 5: Hãy phân tích tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đối với giao thông trên biển và sự phát triển của kinh tế nước ta?